

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/HNGĐ - ST

Ngày 30 - 12 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S, sinh năm 1984 (có mặt)

Căn cước công dân số: 038184031693; ngày cấp: 06/01/2025

ĐKHKT: Thôn 6, xã Q, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: TDP X, phường S1, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038082032554; ngày cấp: 04/5/2021

ĐKHKT: Thôn 6, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2025, bản tự khai ngày 20/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q1, huyện Q2, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 9 năm, đến

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, anh N không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 10/2022. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: Chị và anh N có 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/9/2017. Hiện nay chị và 2 con đang ở tại nhà bố mẹ đẻ, 2 con cũng có nguyện vọng xin được ở với chị. Cháu Nguyễn Thị Khánh H đang bị bệnh nhiễm trùng máu, phải điều trị định kỳ. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty V, mức lương trung bình là 10.000.000đ/tháng. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi 2 con nên khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con. Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu N:*

Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu N. Nhưng trong thời hạn quy định anh N không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh bà Nguyễn Thị N1 - mẹ đẻ của anh Nguyễn Hữu N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu N và chị Vũ Thị S có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại UBND xã Q1, huyện Q2, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện nay anh N và chị S đã sống ly thân. Anh N sống tại gia đình bà còn chị S ở nhà ngoại. Nay chị S xin ly hôn quan điểm của bà và anh N không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Chị S và anh N có 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/9/2017. Hiện nay 2 con đang ở với chị S. Chị S làm công ty Việt Nhật còn anh N làm lao động tự do. Nếu vợ chồng ly hôn anh N xin được nuôi con.

Anh N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng do anh N đi làm công trình, sáng đi tối về nên chưa có thời gian đến Tòa án làm việc. Những văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh N, bà trực tiếp nhận và cam kết giao trực tiếp lại cho anh N.

Về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị Vũ Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N. Về con chung: Chị S có nguyện vọng xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Về tài sản và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Vũ Thị S được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/9/2017 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

+ Về tài sản chung: Chị S và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị S phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hữu N có hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Q, tỉnh Thanh Hóa nên chị Vũ Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh N theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Hữu N dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh N. Đối với anh N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt, không có biện pháp hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn anh N là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị S và anh N có 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/9/2017. Khi ly hôn chị S và anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị S và anh N là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay 2 con đang ở với chị S cùng gia đình bên ngoại. Cháu Nguyễn Thị Khánh H và Nguyễn Thị Quỳnh Anh là cháu gái, đều có nguyện vọng xin được với mẹ. Hơn nữa, cháu Nguyễn Thị Khánh H hiện đang bị bệnh nhiễm trùng máu, phải điều trị định kỳ nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ. Chị S làm công nhân, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của ông bà ngoại nên đảm bảo điều kiện nuôi 2 con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh

xáo trộn cuộc sống của 2 cháu, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ cần giao 2 con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 01/2026 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị S và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Vũ Thị S được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/9/2017 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 01/2026 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Nguyễn Hữu N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị S và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp theo biên lai thu số 0002674 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị S đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà